

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v “Ly hôn

”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Tâm;
2. Ông Cao Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2020/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2021/QĐXX-HNGĐ, ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 548/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu vực H, phường N, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Cao Văn Tr, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã PH, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa, Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*** Bà và ông Cao Văn Tr là vợ chồng với nhau, trước khi kết hôn vợ chồng bà có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, ngày 24/4/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại nhà cha mẹ chồng ở xã PH. Đến năm 2003 vợ chồng bà mua đất cất nhà ở riêng tại thôn T, xã PH. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi vã nhau và không quan tâm gì đến nhau, mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống và mạnh ai nấy ăn chứ vợ chồng không ăn chung với nhau. Do không thể hàn gắn tình cảm được nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ bà ở cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly hôn

n nhau, ai cũng có cuộc sống riêng và không còn dành tình cảm gì cho nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên Cao Thị Lệ Q, sinh ngày 01/01/1992, Cao Thị L, sinh ngày 30/11/1994 và Cao Văn H, sinh ngày 09/7/1997, hiện tại các con đã trưởng thành và đã lập gia đình. Nếu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr thì các con muốn ở với ai là do các con quyết định.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với Bị đơn ông Cao Văn Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Tr vẫn vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Cao Văn Tr không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Huỳnh Thị T ly hôn với ông Cao Văn Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Văn Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn đang cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, nên theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Bị đơn ông Cao Văn Tr đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng từ chối đến Tòa nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định, bà Huỳnh Thị T và ông Cao Văn Tr tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH vào năm 1991, là hôn nhân hợp pháp qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà T, ông Tr sống chung với cha mẹ chồng tại xã Phước Hiệp, đến năm 2003, vợ chồng bà T, ông Tr mua đất cất nhà ở riêng. Trong quá trình chung vợ chồng thường xuyên xảy mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 01 năm 2020, thì bà T bỏ về nhà cha mẹ để bà ở thị xã AN ở cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả bà T và ông Tr không liên lạc và cũng không còn dành tình cảm cho nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Mặt khác, dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và ông Tr nhận được, nhưng ông Tr từ chối đến Tòa, chứng tỏ ông Tr không còn quan tâm gì đến hôn nhân của vợ chồng. Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông Tr là phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T, ông Tr có 03 con chung tên Cao Thị Lệ Q, sinh ngày 01/01/1992, Cao Thị L, sinh ngày 30/11/1994 và Cao Văn H, sinh ngày 09/7/1997, hiện tại các con đã trưởng thành và đều khỏe mạnh. Cả bà T và ông Tr không ai yêu cầu gì nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 80, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T. Cho bà T ly hôn với ông Cao Văn Tr.

2. Về con chung: Vợ chồng bà T, ông Tr có 03 con chung tên Cao Thị Lệ Q, sinh ngày 01/01/1992, Cao Thị L, sinh ngày 30/11/1994 và Cao Văn H, sinh ngày 09/7/1997, hiện tại các con đã trưởng thành và đều khỏe mạnh. Cả bà T và ông Tr không ai yêu cầu gì nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Cao Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000909, ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước. Bà T đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng GĐKT TAND Tỉnh BD
- Các bên đương sự
- VKS Tuy Phước
- THA Tuy Phước
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Duy Minh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Thâm – Cao Văn Dũng

Võ Duy Minh

Nơi nhận:

- Phòng GDKT TAND Tỉnh BD
- Các bên đương sự
- VKS Tuy Phước
- THA Tuy Phước
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Duy Minh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết Mai – Nguyễn Vĩnh Mậu

Võ Duy Minh

